



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

Số: 2387 /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 22 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 01/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 07 tháng 8 năm 2026);

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 06 tháng 8 năm 2026);

Thực hiện Kế hoạch số 412/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục 37 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên (có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính tại Điều 1; công khai, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện và kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục khi có thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC_(NTVA).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đoạt

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CHO DOANH NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT
1	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Một phần
2	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Một phần
3	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Một phần
4	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược	Sở Y tế	Một phần
5	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược	Sở Y tế	Một phần
6	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược	Sở Y tế	Một phần
7	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược	Sở Y tế	Một phần
8	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược	Sở Y tế	Một phần
9	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	Dược	Sở Y tế	Một phần
10	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì	Dược	Sở Y tế	Một phần

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT
		mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc			
11	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược	Sở Y tế	Một phần
12	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược	Sở Y tế	Một phần
13	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất).	Dược	Sở Y tế	Một phần
14	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược	Sở Y tế	Một phần
15	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế	Một phần
16	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế	Một phần
17	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế	Một phần
18	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Sở Y tế	Một phần
19	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	Sở Y tế	Một phần
20	1.008395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	Y Dược cổ truyền	Sở Y tế	Toàn trình
21	1.008396	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	Y Dược cổ truyền	Sở Y tế	Toàn trình
22	1.008397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	Y Dược cổ truyền	Sở Y tế	Toàn trình
23	1.008398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Y Dược cổ truyền	Sở Y tế	Toàn trình
24	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu	An toàn vệ sinh	Chi cục	Một phần

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT
		thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	thực phẩm	ATVSTP	
25	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Một phần
26	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Một phần
27	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Một phần
28	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Một phần
29	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Một phần
30	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Một phần
31	1.006424	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục ATVSTP	Toàn trình
32	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Thiết bị Y tế	Sở Y tế	Toàn trình
33	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị Y tế	Sở Y tế	Toàn trình
34	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	Thiết bị Y tế	Sở Y tế	Toàn trình
35	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị Y tế	Sở Y tế	Toàn trình
36	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị Y tế	Sở Y tế	Toàn trình
37	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị Y tế	Sở Y tế	Toàn trình